

Bản án số: 179/2023/DS-ST.

Ngày: 14-9-2023.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Hiếu**;
2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Phạm Thị Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2023/QĐST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Bé N, sinh ngày 01/01/1968;

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn N1, sinh ngày 01/01/1965 và bà Huỳnh Thị K, sinh ngày 01/01/1962.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (bà K có mặt, ông N1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2023 của nguyên đơn bà Đặng Thị Bé N cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà N trình bày:

Bà là chủ hui còn bà Huỳnh Thị K và ông Nguyễn Văn N1 là hui viên của 04 dây hui cụ thể như sau:

- Dây hui 1: Hui tháng 3.000.000đ, mở ngày 04/02/2020 âm lịch có 24 phần, bà K và ông N1 tham gia 01 phần, trong danh sách hui ghi tên “Cô Bảy”, bà K và ông N1 hót hui đầu, sau khi trừ tiền đầu thảo thì bà K và ông N1 hót được 51.400.000đ. Thời gian đầu bà K và ông N1 đóng hui chét đầy đủ. Tuy nhiên kể từ lần khai hui thứ 16 tháng 5/2021 âm lịch đến nay thì bà K và ông N1 không đóng hui chét cho bà 08 lần x

3.000.000đ. Vì vậy đây hội này bà K và ông N1 còn thiếu lại bà 24.000.000đ. Hội đã mãn.

- Dây hội 2: Hội tháng 3.000.000đ, mở ngày 20/8/2020 âm lịch có 24 phần, bà K và ông N1 tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên “Cô Bảy”, bà K và ông N1 hót hội đầu, sau khi trừ tiền đầu thảo thì bà K và ông N1 hót được 41.400.000đ. Thời gian đầu bà K và ông N1 đóng hội chết đầy đủ. Tuy nhiên kể từ lần khai thứ 8 từ tháng 4/2021 âm lịch đến nay thì bà K và ông N1 không đóng hội chết cho bà 16 lần x 3.000.000đ. Vì vậy đây hội này bà K và ông N1 còn thiếu lại bà 48.000.000đ. Hội đã mãn.

- Dây hội 3: Hội tháng 10.000.000đ, mở ngày 10/9/2020 âm lịch có 22 phần, bà K và ông N1 tham gia 0,5 phần (nửa phần), trong danh sách hội ghi tên “Cô Bảy + Đãng” bà K và ông N1 hót lần thứ 5, sau khi trừ tiền đầu thảo thì bà K và ông N1 hót được 83.800.000đ. Thời gian đầu bà K và ông N1 đóng hội chết đầy đủ. Tuy nhiên kể từ lần khai thứ 09 từ tháng 6/2021 đến nay thì bà K và ông N1 không đóng hội chết cho bà 13 lần x 0,5 phần x 10.000.000đ. Vì vậy đây hội này bà K và ông N1 còn thiếu lại bà 65.000.000đ. Hội đã mãn.

- Dây hội 4: Hội tháng 5.000.000đ, mở ngày 06/4/2020 âm lịch có 24 phần, bà K và ông N1 tham gia 01 phần, trong danh sách hội ghi tên “Cô Bảy”, bà K và ông N1 hót lần thứ 03, sau khi trừ đầu thảo thì bà K và ông N1 hót được 83.100.000đ. Thời gian đầu bà K và ông N1 đóng hội chết đầy đủ. Tuy nhiên kể từ lần khai thứ 14 thì từ tháng 6/2021 âm lịch đến nay thì bà K và ông N1 không đóng hội chết cho bà 10 lần x 5.000.000đ. Vì vậy đây hội này bà K và ông N1 còn thiếu lại bà 50.000.000đ. Hội đã mãn.

Sau đó bà K và ông N1 có trả dần được 21.000.000đ, nên tổng số tiền bà K và ông N1 còn thiếu lại bà là: (24.000.000đ + 48.000.000đ + 65.000.000đ + 50.000.000đ) – 21.000.000đ = 166.000.000đ.

Vì vậy, bà Đặng Thị Bé N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hội là 166.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:*

Tại bản tự khai và tại phiên tòa cùng ngày 22/8/2023, bị đơn bà K trình bày: Bà không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Bà thừa nhận có tham gia các dây hội do nguyên đơn trình bày là đúng sự thật. Vợ chồng bà có thiếu nguyên đơn số tiền 187.000.000đồng nhưng đã trả tổng cộng 21.000.000đồng, còn nợ bà N 166.000.000đồng. Bà đồng ý trả 166.000.000đồng mỗi tháng trả 2.000.000đồng nếu có khả năng bà sẽ trả từ 3.000.000đồng/tháng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn N1 không có ý kiến gì trong quá trình giải quyết vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓÁ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề

nghe xét xử vắng mặt, các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Đặng Thị Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K cùng liên đới trả cho bà tổng số tiền hui còn nợ là 166.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất. Theo các bên đương sự trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có thực hiện hợp đồng góp hui (có lập thành văn bản) đã được bà K thừa nhận và thống nhất số nợ với nguyên đơn, bà K đưa ra phương án trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết có thật, các bên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với bị đơn ông N1, ông không có ý kiến gì phản đối, không phản tố. Mặt khác, tại phiên tòa bà K thừa nhận số tiền bà hót hui của nguyên đơn bà N đã sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình nên cần buộc ông N1 phải cùng liên đới với bà K để trả số nợ trên cho nguyên đơn bà N theo quy định tại các Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K cùng liên đới trả cho bà Đặng Thị Bé N số tiền 166.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường. Bà N không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

- Bị đơn Nguyễn Văn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Huỳnh Thị K thuộc trường hợp được miễn.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Bé N.

Buộc ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Bé N số tiền là 166.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), bà N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Đặng Thị Bé N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị K phải cùng liên đới trả cho bà Đặng Thị Bé N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự N 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn N1 phải chịu 4.150.000đồng (*Bốn triệu một trăm N mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị K thuộc trường hợp được miễn.

- Bà Đặng Thị Bé N không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị Bé N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.150.000đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0010502 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH